

GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ VẬN TẢI

Áp dụng cho Kiên Giang

NẶC TRỌNG LƯỢNG (kg)	Kiên Giang	Cần Thơ, An Giang	Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre	HCM, Bình Dương, Đồng Nai, BRVT	Long An, Tây Ninh, Bình Phước, Đắk Nông	Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa	Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kom Tum, Gia Lai, Phú Yên, Bình Định	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình	Hà Nội	Vinh Phúc	Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An	Quảng Ninh, Hà Tĩnh	Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang
Đến 20 kg	105,263				157,895				210,526						
Giá cộng thêm trên 20 kg cho mỗi kg tiếp theo															
Trên 20 - 50 kg	2,526	3,579	4,632	5,158	6,211	6,526	6,737	6,737	7,789	8,316	7,895	7,895	8,947	9,474	10,000
Trên 50 - 200 kg	2,316	3,263	4,316	4,789	5,737	6,021	6,211	6,316	7,263	7,737	6,842	6,842	7,789	8,263	8,737
Trên 200 - 500 kg	2,105	2,947	4,000	4,421	5,263	5,516	5,684	5,895	6,737	7,158	6,421	6,421	7,263	7,684	8,105
Trên 500 - 1000 kg	2,000	2,737	3,789	4,158	4,895	5,116	5,263	5,053	5,789	6,158	6,000	6,000	6,737	7,105	7,474
Trên 1000 kg	1,789	2,421	3,474	3,789	4,421	4,611	4,737	4,737	5,368	5,684	5,579	5,579	6,211	6,526	6,842
THỜI GIAN	n+1	n+1	n+1	n+2	n+2	n+2	n+3	n+4	n+5	n+5	n+6	n+7	n+7	n+8	n+8

Phiên bản TF41-KGG

Ghi chú:

- Bảng giá trên chưa bao gồm 10% VAT và phụ phí nhiên liệu. Phụ phí nhiên liệu được cập nhật hàng tháng trên website <http://247post.vn>
- Công thức tính trọng lượng quy đổi (áp dụng với hàng cồng kềnh, hàng nhẹ): Dài * Rộng * Cao (cm) / 3.000
- Phụ phí ngoại thành: 30% cước chính (Tham khảo Địa danh nội thành, ngoại thành của 247).
- Hàng quá khổ (một chiều bất kì dài từ 1,5m trở lên) có: (1) Trọng lượng dưới 30 kg thì trọng lượng tính cước là 30 kg; (2) Trọng lượng từ 30 kg trở lên thì phụ thu 20% cước chính.
- Phụ thu 20% cước chính đối với từng trường hợp sau: (1) Hàng nguyên khối. Nhưng tối thiểu là 200.000 đồng/bill. (2) Hàng hóa là chất lỏng, hóa chất, ...
- Lưu ý: Nếu một kiện hàng thỏa mãn cả 2 điều kiện là hàng nguyên khối và hàng quá khổ có trọng lượng từ 30 kg trở lên thì chỉ tính phụ thu theo trường hợp hàng nguyên khối.
- Tổng cước dịch vụ = {(Cước chính + Cước chuyển hoàn/chuyển tiếp (nếu có) + Phụ phí ngoại thành (nếu có))* PPNL} + DV gia tăng + DV đặc thù + Thu khác (nếu có)* VAT.
- Dịch vụ này không cung cấp cho hàng điện tử (máy ảnh, máy vi tính, thiết bị điện tử...), hàng giá trị cao (Iphone, camera...) và hàng dễ vỡ (thủy tinh, sành, sứ...)
- Khi gửi hàng, Khách hàng phải hoàn thiện bưu gửi trước khi gửi qua 247 (bao gồm việc đóng gói đúng quy cách sản phẩm; chuẩn bị đầy đủ giấy tờ đi kèm; khai báo nội dung và giá trị bưu gửi).
- Chỉ tiêu thời gian trên chỉ áp dụng cho địa chỉ phát ở trung tâm hành chính tỉnh. Địa chỉ ngoại thành, vùng sâu vùng xa 247 thì cộng thêm 2 - 3 ngày. Chỉ tiêu thời gian này không tính thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ. Lưu ý: n là ngày nhận hàng.
- Không bảo hiểm đối với trường hợp bể vỡ.